

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30/12/2021
“V/v Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị P, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn 1, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**/ Bị đơn:* Anh Triệu Tiến H, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn 1, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Triệu Thị P (nguyên đơn) trình bày: Chị và anh Triệu Tiến H chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến ngày 25/11/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 03 người con chung là cháu Triệu Thị M, sinh ngày 20/02/2009; Cháu Triệu Văn Tuấn A, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Triệu Duy T, sinh ngày 11/03/2017, hiện các cháu đang sống cùng với chị Triệu Thị P. Về nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã, sống không hợp nhau, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, chồng chị thường xuyên đánh đập vợ dẫn đến dần dần tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2020 đến

nay. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Tiến H.

Về con chung: Chị Triệu Thị P xin giao cháu Triệu Thị M, sinh ngày 20/02/2009; Cháu Triệu Văn Tuấn A, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Triệu Duy T, sinh ngày 11/03/2017 cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với anh Triệu Tiến H (bị đơn)*: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Triệu Tiến H nhưng anh Triệu Tiến H cố tình vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh Triệu Tiến H cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Triệu Tiến H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị P được ly hôn với anh Triệu Tiến H; Về con chung: Giao các cháu Triệu Thị M, sinh ngày 20/02/2009; cháu Triệu Văn Tuấn A, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Triệu Duy T, sinh ngày 11/03/2017 cho chị Triệu Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về tài sản, công nợ: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về án phí: chị Triệu Thị P (nguyên đơn) phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Triệu Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Triệu Tiến H, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Triệu Tiến H) có đăng ký hộ khẩu tại thôn 1, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông, nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Triệu Thị P (nguyên đơn) có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với anh Triệu Tiến H (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 (tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P và anh Triệu Tiến H kết hôn ngày 25/11/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có 03 người con chung là cháu Triệu Thị M, sinh ngày 20/02/2009; Cháu Triệu Văn Tuấn A, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Triệu Duy T, sinh ngày 11/03/2017. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn được, cuộc sống hôn nhân lúc nào cũng thấy ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy anh chị đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cả hai đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, cuộc sống chung không còn duy trì, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm.

2.2 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị P xin giao cháu Triệu Thị M, sinh ngày 20/02/2009; Cháu Triệu Văn Tuấn A, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Triệu Duy T, sinh ngày 11/03/2017 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Quá trình làm việc tại Tòa án, cháu Triệu Thị M và cháu Triệu Văn Tuấn A xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, hiện cả ba cháu đều đang ở với chị Triệu Thị P, anh Triệu Tiến H không quan tâm chăm sóc các cháu nên chấp nhận cho chị Triệu Thị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị P về việc ly hôn với anh Triệu Tiến H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị P được ly hôn với anh Triệu Tiến H.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị M, sinh ngày 20/02/2009; cháu Triệu Văn Tuấn A, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Triệu Duy T, sinh ngày 11/03/2017 cho chị Triệu Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000531 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh